

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Văn bản số 141/HL ngày 18 tháng 12 năm 2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy cưa xẻ, chế biến gỗ công suất 4.000 m³ sản phẩm/năm” và Văn bản số 2106/CVCSHL-2023 ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy cưa xẻ, chế biến gỗ công suất 4.000 m³ sản phẩm/năm” của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hoàng Liêm và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 529/TTr-TNMT ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Báo cáo số 616/BC-TNMT ngày 17 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hoàng Liêm, địa chỉ tổ 25, Khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy cưa xẻ, chế biến gỗ công suất 4.000 m³ sản phẩm/năm” tại ấp 7 xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy cưa xẻ, chế biến gỗ công suất 4.000 m³ sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm: ấp 7 xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.



1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3602232973 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 02 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 17 tháng 07 năm 2019, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3602232973

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất cơ sở 14.468,5 m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 4.000 m³ sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hoàng Liêm được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hoàng Liêm có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 21 tháng 7 năm 2023 đến ngày 21 tháng 7 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Long Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: như

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Hoàng Liêm;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện (3 bản chính);
- Trang Thông tin điện tử huyện Long Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Bình;
- Lưu: VT - NN (PTN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Thân



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 7369/GPMT-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý đầu nối vào hồ sinh thái nằm trong khuôn viên Công ty. Khi khu vực xung quanh có hệ thống thoát nước thải, Công ty phải lập thủ tục đầu nối nước thải theo đúng quy định.

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý đầu nối vào hồ sinh thái nằm trong khuôn viên Công ty, tọa độ X(m): 1184905; Y(m): 651715 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường Quốc gia đối với nước thải sinh hoạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, $K_q=0,6$, $K_f=1,2$ cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT cột A, $K_q=0,6$, $K_f=1,2$	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ
2	BOD ₅	mg/l	21,6	
3	TSS	mg/l	36	
4	COD	mg/l	54	
5	Tổng N	mg/l	14,4	
6	Tổng P	mg/l	2,88	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT cột A, $K_q=0,6$, $K_f=1,2$	Tần suất quan trắc định kỳ
7	Amoni	mg/l	3,6	
8	Tổng coliform	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải từ bể tự hoại (02 bể tự hoại) được thu gom bằng ống nhựa PVC D114 dẫn nước thải từ bể tự hoại về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt: 1 bể tự hoại 03 ngăn

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải nhà ăn

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt: 1 bể tách dầu

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải → Bể tách dầu → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải → Bể chứa nước → Bể trộn hoá lý → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2.4. Công trình, thiết bị xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2.5. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày.đêm.

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải → Bể điều hoà → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng 1 → Bể trung gian → Bồn lọc → Nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine, PAC, NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

- Thiết kế bể điều hòa có thể tích đủ chứa lượng nước thải phát sinh của cơ sở trong 8 h. Trong thời gian này có thể khắc phục các sự cố đơn giản và kịp thời.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, phát hiện sự cố một cách sớm nhất;

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý định kỳ;

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến mương dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải. Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa như: máy bơm, máy thổi khí...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hiện nay, nhà máy đã đi vào hoạt động nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hoàng Liêm không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

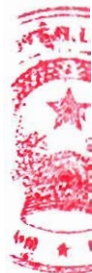
3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, phải dừng toàn bộ các hoạt động có phát sinh nước thải của cơ sở cho đến khi khắc phục xong sự cố.

3.3. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.4. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện cơ sở; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh cơ sở.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của cơ sở.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73.69./GPMT-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Khí thải lò hơi 5 tấn/giờ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục: $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X(m) = 1184905, Y(m) = 651709.

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 360.000 m³/ngày tương đương 15.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả nước thải: xả liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường Quốc gia đối với bụi, khí thải QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Kv = 1,2, Kp = 1, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Kv=1,2, Kp=1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/l	240	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ
2	SO ₂	mg/l	600	
3	NO _x	mg/l	1020	
4	CO	mg/l	1.200	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải lò hơi:

Công ty lắp đặt 01 lò hơi công suất 5tấn/giờ sử dụng lò hơi dùng nhiên liệu là củi tạp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn, chiều cao ống khói 16m thoát ra môi trường hạn chế ảnh hưởng cho các khu vực dân cư lân cận nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý khí thải lò hơi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải → Cyclone → Quạt hút → Ống venturi → Tháp xử lý bụi → Ống khói cao 16m → Phát tán vào môi trường.

- Công suất thiết kế: 01 lò hơi công suất 05 tấn/giờ.

- Hóa chất sử dụng: không sử dụng hoá chất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện kiểm định lò hơi và các thiết bị của lò hơi theo đúng quy định hiện hành.

- Công nhân vận hành lò hơi được đào tạo chuyên môn vận hành lò hơi, phải nắm vững cấu tạo, nguyên lý hoạt động của lò. Vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật hướng dẫn đặt tại nơi làm việc. Trong quá trình vận hành thường xuyên theo dõi giám sát, kiểm tra các thông số lò hơi.

- Xây dựng quy định về an toàn riêng cho khu vực lò hơi để quản lý cũng như những người trực tiếp vận hành nghiêm túc thực hiện. thiết lập chế độ an toàn tự động xả áp cho lò hơi.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hiện nay, nhà máy đã đi vào hoạt động nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hoàng Liêm không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát tác động đến môi trường không khí từ hoạt động nhập kho, lưu trữ và xuất kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, bốc dỡ nguyên vật liệu:

- Bố trí hợp lý thời gian hoạt động nhập kho, lưu trữ và xuất kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, bốc dỡ nguyên vật liệu;

- Hàng hóa được bố trí hợp lý, khoa học tạo môi trường thông thoáng, tách khu vực lưu trữ nguyên liệu dạng bột và nguyên liệu dạng lỏng, không để gần các hóa chất có thể tác dụng hóa học với nhau;

- Thực hiện tốt quản lý nội vi khu vực sản xuất nhằm tránh rơi vãi, thất thoát nguyên vật liệu. Vệ sinh môi trường lao động luôn đảm bảo sạch, gọn, dây chuyền thiết bị được bố trí hợp lý, khoa học tạo môi trường làm việc thông thoáng.



3.3. Thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát tác động đến môi trường không khí từ nhà chứa chất thải:

- Chất thải được lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy kín và được vận chuyển đi xử lý thường xuyên, không để tình trạng tồn đọng gây phân hủy phát sinh mùi hôi. Thường xuyên quét dọn, vệ sinh toàn bộ khuôn viên nhà máy, đặc biệt là các nhà vệ sinh công nhân.

- Tăng cường trồng cây xanh trong phạm vi hệ thống xử lý và hành lang cây xanh bên ngoài hệ thống nhằm hạn chế sự lan truyền của mùi hôi. Định kỳ vận chuyển rác, bùn thải, khai thông cống rãnh, vệ sinh quét dọn trong khu vực hệ thống xử lý. Các biện pháp này sẽ góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường nói chung và giảm thiểu mùi hôi nói riêng.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 7.3.69./GPMT-UBND ngày 21 tháng 7,
năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của lò hơi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X(m): 1184905, Y(m): 651715 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).
- Nguồn số 02: X(m): 1184905, Y(m) = 651709 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	60	55	Không	Khu vực đặc biệt
2	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm, máy thổi khí theo định kỳ, thay những chi tiết hư hỏng hay thay thế kịp thời các máy bơm, máy thổi khí khi đã xuống cấp như hướng dẫn của nhà sản xuất.

1.2. Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở để hạn chế tiếng ồn và điều hòa không khí trong khu vực cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.

Phụ lục 4

PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 7.3.6.9/GPMT-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	20	18 01 02	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	Rắn	5	16 01 06	NH
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	16 01 12	NH
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	40	18 02 01	KS
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	30	17 02 03	NH
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tại chỗ	Bùn	50	12 06 05	KS
Tổng cộng		-	150	-	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Nhóm CTRSH	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải khác với các loại trên	09 01 03	109.000	TT
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	1.500	TT-R
Tổng cộng			110.500	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Nhóm CTRSH	Mã chất thải	Số lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	-	60
	- <i>Chất thải rắn có thể tái chế</i>	-	18,24
	- <i>Chất thải rắn còn lại</i>	-	41,76
Tổng cộng			60

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí 5 thùng chứa chất thải 60 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích khu lưu chứa: 3 m².

- Vị trí: bố trí gần khu vực hồ nước sinh hoạt

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: vách tôn, nền bê tông, mái tôn, gờ chống tràn, nền chống thấm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa: 56 m².

- Vị trí: bố trí gần khu vực hồ nước sinh hoạt

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: mái che bằng tôn, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí 2 thùng rác 60-102L lưu giữ vào khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực tập kết: 3 m².

- Vị trí: gần khu vực nhà chứa vật dụng

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: che bằng mái tôn, nền bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở đảm

bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 7.369.../GPMT-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của cơ sở. Khi khu vực xung quanh có hệ thống thoát nước thải, Công ty phải lập thủ tục đấu nối nước thải theo đúng quy định.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

4. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật có liên quan; có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải đảm bảo giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT cột A, $K_q=0,6$, $K_f=1,2$; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận.

5. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

6. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, an toàn hóa chất, tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành.

9. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

10. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi

trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

11. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

